

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020



TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0300625210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 1 tháng 9 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 9 ngày 17 tháng 12 năm 2019.	
Hội đồng Thành viên	Ông Phạm Huy Bình Ông Nguyễn Bình Minh Ông Võ Văn Tuấn	Chủ tịch Thành viên Thành viên (Miễn nhiệm ngày 6 tháng 1 năm 2021)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Bình Minh Ông Võ Anh Tài Ông Nguyễn Đông Hòa Ông Trương Tấn Sơn	Tổng Giám Đốc Phó Tổng Giám Đốc Phó Tổng Giám Đốc Phó Tổng Giám Đốc (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2020)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Bình Minh	Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	23 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Tổng Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Tổng Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.


Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Ông Võ Anh Tài - Phó Tổng Giám đốc của Tổng Công ty để ký báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Thư Ủy quyền ngày 15 tháng 3 năm 2021.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 50. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Võ Anh Tài
Chỉ ký được Ủy quyền
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.330.754.353.547	3.416.352.147.726
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	654.548.204.348	1.093.829.818.920
111	Tiền		157.448.204.348	198.712.400.346
112	Các khoản tương đương tiền		497.100.000.000	895.117.418.574
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.859.568.876.712	1.845.866.273.973
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	1.859.568.876.712	1.845.866.273.973
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		773.760.902.688	445.642.662.157
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	180.489.523.364	167.543.775.814
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		10.099.956.944	6.759.830.077
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	636.426.497.949	321.625.670.211
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(59.057.315.319)	(56.088.853.695)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		5.802.239.750	5.802.239.750
140	Hàng tồn kho		15.012.310.408	14.287.850.098
141	Hàng tồn kho		15.012.310.408	14.287.850.098
150	Tài sản ngắn hạn khác		27.864.059.391	16.725.542.578
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		6.620.272.521	12.720.907.112
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	21.243.786.870	4.004.635.466

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 50 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		5.591.283.504.046	5.764.321.469.141
210	Các khoản phải thu dài hạn		46.356.492.274	46.546.057.274
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	46.356.492.274	46.546.057.274
220	Tài sản cố định		725.186.280.056	786.838.510.547
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	697.566.474.023	755.599.378.633
222	Nguyên giá		2.634.887.870.081	2.606.024.390.725
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.937.321.396.058)	(1.850.425.012.092)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	27.619.806.033	31.239.131.914
228	Nguyên giá		82.648.957.521	82.398.957.521
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(55.029.151.488)	(51.159.825.607)
230	Bất động sản đầu tư	10	11.155.096.392	13.364.218.392
231	Nguyên giá		89.211.835.425	89.211.835.425
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(78.056.739.033)	(75.847.617.033)
240	Tài sản dở dang dài hạn		563.121.973.400	546.297.503.008
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	563.121.973.400	546.297.503.008
250	Đầu tư tài chính dài hạn		4.161.026.526.285	4.281.431.473.994
251	Đầu tư vào công ty con	5(a)	1.182.787.483.689	1.182.787.483.689
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	5(b)	2.633.636.789.502	2.546.136.759.461
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5(c)	738.214.360.459	738.214.321.566
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5(d)	(393.612.107.365)	(185.707.090.722)
260	Tài sản dài hạn khác		84.437.135.639	89.843.705.926
261	Chi phí trả trước dài hạn	8	75.026.363.671	81.657.629.458
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	16	9.410.771.968	8.186.076.468
270	TỔNG TÀI SẢN		8.922.037.857.593	9.180.673.616.867

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 50 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		699.233.906.411	833.694.537.546
310	Nợ ngắn hạn		575.935.115.633	703.498.282.143
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	32.245.789.807	55.120.903.577
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		21.859.928.817	33.846.476.266
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	92.569.869.865	186.496.892.919
314	Phải trả người lao động		158.403.105.533	159.925.050.023
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		1.861.342.559	2.442.698.838
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		33.195.016.028	36.827.509.794
319	Phải trả ngắn hạn khác	14(a)	150.607.519.165	84.515.751.061
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	85.192.543.859	144.322.999.665
330	Nợ dài hạn		123.298.790.778	130.196.255.403
337	Phải trả dài hạn khác	14(b)	89.652.863.666	96.529.325.323
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		33.645.927.112	33.666.930.080
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		8.222.803.951.182	8.346.979.079.321
410	Vốn chủ sở hữu		8.222.803.951.182	8.346.979.079.321
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17, 18	6.410.755.000.000	6.410.755.000.000
414	Vốn khác của chủ sở hữu	18	421.424.540.672	421.424.540.672
418	Quỹ đầu tư phát triển	18	401.240.707.185	401.240.707.185
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	18	989.383.703.325	1.113.558.831.464
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		814.166.829.160	411.017.279.429
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		175.216.874.165	702.541.552.035
440	TỔNG NGUỒN VỐN		8.922.037.857.593	9.180.673.616.867


Trần Văn Huy
Người lập


Trần Doãn Định
Kế toán trưởng và
Giám đốc Tài chính




Võ Anh Tài
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Chữ ký được Ủy quyền
Ngày 30 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2020 VND	2019 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	947.354.337.038	2.034.929.589.675
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(30.763.640)	(8.309.001)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20 947.323.573.398	2.034.921.280.674
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21 (882.384.155.556)	(1.242.825.064.576)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.939.417.842	792.096.216.098
21	Doanh thu hoạt động tài chính	22 626.429.283.258	802.352.627.149
22	Chi phí tài chính	23 (208.358.447.947)	(14.684.772.389)
25	Chi phí bán hàng	24 (54.841.315.164)	(129.634.129.471)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25 (260.922.442.915)	(352.376.431.761)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	167.246.495.074	1.097.753.509.626
31	Thu nhập khác	26 9.157.194.780	20.817.392.893
32	Chi phí khác	26 (2.411.511.189)	(6.873.413.591)
40	Lợi nhuận khác	6.745.683.591	13.943.979.302
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	173.992.178.665	1.111.697.488.928
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	27 -	(129.571.993.978)
52	Hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại	16, 27 1.224.695.500	7.176.110.324
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	175.216.874.165	989.301.605.274



Trần Văn Huy
Người lập



Trần Doãn Định
Kế toán trưởng và
Giám đốc Tài chính



Phạm Anh Tài
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Chữ ký được Ủy quyền
Ngày 30 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	173.992.178.665	1.111.697.488.928
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	28 87.673.670.333	123.918.416.918
03	Các khoản dự phòng	210.873.478.267	24.916.384.026
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	367.470.255	254.948.283
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(610.536.340.692)	(671.770.978.794)
08	(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(137.629.543.172)	589.016.259.361
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(48.688.576.165)	195.386.682.422
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(724.460.310)	606.881.713
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	4.921.890.888	(880.676.084.362)
12	Giảm chi phí trả trước	15.123.063.465	19.733.815.829
15	Thuế TNDN đã nộp	(63.899.114.870)	(10.000.000.000)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	295.237.342	3.274.595.289
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(59.425.693.148)	(84.720.689.117)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(290.027.195.970)	(167.378.538.865)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(61.758.331.043)	(114.918.274.923)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	364.881.752	1.522.325.699
23	Tiền chi đầu tư tài chính ngắn hạn	(3.459.268.876.712)	(3.089.866.273.973)
24	Tiền thu từ đầu tư tài chính ngắn hạn	3.445.566.273.973	2.346.494.369.517
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(87.500.000.000)	(75.838.356.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	318.344.487.866	722.600.997.313
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	155.748.435.836	(210.005.212.367)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Tiền lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(305.000.000.000)	(186.324.075.484)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(305.000.000.000)	(186.324.075.484)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(439.278.760.134)	(563.707.826.716)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3 1.093.829.818.920	1.657.541.909.794
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(2.854.438)	(4.264.158)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3 654.548.204.348	1.093.829.818.920



Trần Văn Huy
Người lập



Trần Doãn Định
Kế toán trưởng và
Giám đốc Tài chính



Phạm Anh Tài
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Chữ ký được Ủy quyền
Ngày 30 tháng 3 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) là một doanh nghiệp nhà nước hạch toán kinh tế độc lập, được thành lập theo Quyết định số 1833/QĐ-UB-KT ngày 31 tháng 3 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và được chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3665/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo hình thức công ty mẹ - Công ty con, Tổng Công ty đã chính thức chuyển sang mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300625210 ngày 1 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17 tháng 12 năm 2019, do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại số 23 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị quốc tế;
- Dịch vụ vũ trường, sauna – massage, karaoke, nhà hàng có ca nhạc, business center, đại lý bán vé, giữ chỗ máy bay quốc nội và quốc ngoại, salon de beauty (chăm sóc sắc đẹp), cắt, uốn tóc, cho thuê xe, giữ xe hồ bơi, du thuyền trên sông Sài Gòn, giặt ủi, làm sạch hàng may công nghiệp, may trang bị và trang phục cho khách sạn, các mặt hàng khăn dệt, nhuộm một số mặt hàng may công nghiệp, gia công chế biến các mặt hàng inox phục vụ cho các nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ ăn uống cố định, lưu động và theo hợp đồng;
- Kinh doanh vui chơi, giải trí, bãi tắm biển;
- Kinh doanh, khai thác dịch vụ cảng sông;
- Dịch vụ cảng và bến cảng;
- Cung cấp nước ngọt, xăng dầu cho tàu thuyền;
- Dịch vụ vận tải đường thủy;
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;
- Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (tại Khách sạn Cửu Long, khách sạn Đồng Khởi, khách sạn Bến Thành và khách sạn Đệ Nhất) thuộc hệ thống khách sạn của Tổng Công ty;
- Các dịch vụ cung ứng theo nhu cầu khách hàng: thông tin, giao dịch, thương mại, bán hàng miễn thuế, tiếp thị, văn hóa thể thao, chuyển tiền kiều hối, tư vấn đầu tư;
- Đại lý ký gửi hàng hóa, thu đổi ngoại tệ;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Dịch vụ quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa;
- Lữ hành nội địa, quốc tế, vận chuyển khách du lịch;
- Vận chuyển khách du lịch bằng đường thủy;
- Vận tải hàng hóa và hành khách đường thủy;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh địa ốc, dịch vụ nhà đất;

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

- Cho thuê kho bãi, nhà, ki-ốt, quầy sạp, cửa hàng kinh doanh, căn hộ, văn phòng;
- Kinh doanh taxi;
- Mua bán phụ tùng xe ô tô các loại, xe hơi với hình thức làm đại lý cho các hãng nước ngoài;
- Sửa chữa, bảo trì ô tô, tàu du lịch;
- Sản xuất nước đá;
- Sản xuất, chế biến thực phẩm bánh kem, bánh trung thu, bánh mỳ, bánh ngọt, kẹo, thực phẩm khô các loại;
- Sản xuất nước tinh khiết;
- Mở trường đào tạo về chuyên ngành du lịch, dạy lái xe, dạy nghề về xuất khẩu lao động và xuất khẩu lao động;
- Thiết kế thi công, sửa chữa, trang trí nội, ngoại thất, khách sạn, nhà hàng;
- Mua bán rau quả, hải sản chế biến, hàng thủ công mỹ nghệ, thiết bị vật tư, hàng hóa tiêu dùng, hóa chất;
- Mua bán thức ăn gia súc, tôm cá, nông sản các loại (trừ gạo), gas các loại, điện thoại, máy fax, điện thoại di động, mobicard, các loại hoa, lá, cây cảnh, các loại gạch, ngói xây dựng, các sản phẩm dệt và may mặc, túi xách, cặp, vali bằng các loại vải, da, giả da, giày dép các loại, các sản phẩm bằng gỗ đã chế biến;
- Mua bán các mặt hàng công nghệ phẩm tiêu dùng, rượu, bia các loại (kể cả làm đại lý), chế biến bia tươi, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, vàng bạc, đá quý;
- Đại lý bảo hiểm; và
- Đại lý bán vé tàu hỏa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có 13 chi nhánh là các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

- Khách sạn Bến Thành;
- Khách sạn Cửu Long;
- Khách sạn Đồng Khởi;
- Khách sạn Hoàn Cầu;
- Khách sạn Đệ Nhất;
- Khách sạn Kim Đô;
- Khách sạn Oscar Sài Gòn;
- Khách sạn Đồng Khánh;
- Khách sạn Thiên Hồng;
- Làng du lịch Bình Quới;
- Trường trung cấp Du lịch Khách sạn Saigontourist;
- Chi nhánh Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một thành viên tại Côn Đảo; và
- Chi nhánh Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một thành viên tại Thành phố Móng Cái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có 10 công ty con và 29 công ty liên doanh, liên kết như được trình bày trong Thuyết minh 5.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có 3.198 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 4.082 nhân viên).